

Số: 41 /BC-UBND

Hung Yên, ngày 24 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO

Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng quý I năm 2013

Thực hiện Công văn số 2176/TTCP-C.IV ngày 15/8/2011 của Thanh tra Chính phủ về việc thực hiện chế độ báo cáo phòng, chống tham nhũng (PCTN); Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên báo cáo kết quả công tác PCTN quý I năm 2013 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG:

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về PCTN; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN trong phạm vi trách nhiệm của địa phương:

- Công tác PCTN được Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ. Các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh thường xuyên tiến hành tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh thông qua nhiều hình thức phù hợp với các đối tượng. Nội dung công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến ngày càng sâu rộng, phong phú, đa dạng, gắn với việc tiếp tục thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

- Công tác ban hành văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên được các huyện, thành phố và sở, ngành coi trọng. Trong quý I các đơn vị đã ban hành 06 văn bản mới và sửa đổi 03 văn bản để thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Trong quý I các đơn vị trong tỉnh đã mở 11 lớp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng với sự tham gia của 1.106 lượt cán bộ, công chức và nhân dân.

2. Kết quả thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng:

2.1. Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch trong mua sắm công và xây dựng cơ bản, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tài chính và ngân sách nhà nước, quản lý và sử dụng đất đai, quản lý, sử dụng nhà ở, các thủ tục hành chính... thông qua hình thức như: Công khai tại hội nghị cán bộ công chức, các cuộc họp của cơ quan, niêm yết tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.2. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh đã ban hành 01 văn bản mới và sửa đổi, bổ sung 06 văn bản nhằm thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn và sử dụng kinh phí nhà nước cấp, trang thiết bị trong cơ quan theo đúng các quy định của Nhà nước, của tỉnh; thực hiện nghiêm túc Quy chế chi tiêu nội bộ; thực hiện có hiệu quả việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc khoán kinh phí và biên chế theo quy định.

- Thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn theo quy định của ngành dọc như ngành y tế, ngành giáo dục đào tạo...

2.3. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng:

Theo báo cáo của các đơn vị, trong quý I năm 2012 không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định về nhận quà, tặng quà.

2.4. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức:

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh thường xuyên quán triệt và thực hiện đúng Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/2/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 27/5/2009 của UBND tỉnh Hưng Yên về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức cũng như các quy tắc ứng xử của từng ngành.

- Trong kỳ báo cáo đã có 05 cơ quan, đơn vị trong tỉnh được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức.

2.5. Việc chuyển đổi vị trí cán bộ, công chức, viên chức:

Thực hiện Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định về chuyển đổi vị trí công tác; Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 27/5/2009 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy chế điều động cán bộ, luân phiên công việc. Trong quý I đã có 12 cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác.

2.6. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập:

- Việc công khai, minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ, Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg ngày 03/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 2442/2007/TT-TTCT ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ, Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ đang được các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện. Thanh tra tỉnh đã có văn bản hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập và gửi báo cáo kết quả kê khai, Thanh tra tỉnh tổng hợp báo cáo Thanh tra Chính phủ trước ngày 25/3/2013.

2.7. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thường xuyên quán triệt thực hiện nghiêm túc Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 02/9/2006 của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách. Trong kỳ báo cáo không có trường hợp phải xem xét, xử lý.

2.8. Việc thực hiện cải cách hành chính:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; nâng cao chất lượng giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 15/2007/QĐ-UBND ngày 11/10/2007 của UBND tỉnh Hưng Yên. Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm soát thủ tục hành chính; công khai minh bạch các quy định, thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính; tăng cường sự giám sát của nhân dân vào quá trình thực thi công vụ của cán bộ, công chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

2.9. Việc áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Việc áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong quản lý điều hành luôn được các cơ quan, tổ chức, đơn vị quan tâm thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên đổi mới và đầu tư cho công tác tin học hoá quản lý hành chính theo đúng quy định của ngành, của tỉnh. Phần lớn các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong quản lý hành chính.

2.10. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp tục thực hiện việc thanh toán lương và các khoản thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức qua tài khoản theo quy định tại Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ và quy định của UBND tỉnh, phù hợp với hạ tầng kỹ thuật của mạng lưới ngân hàng trên từng địa phương.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng:

3.1. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Công tác tự kiểm tra nội bộ được nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh quan tâm thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa tham nhũng, lãng phí. Qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ chưa phát hiện các vụ việc tham nhũng.

3.2. Kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra:

Trong kỳ báo cáo (tính đến ngày 15/3/2013), ngành Thanh tra tỉnh Hưng Yên đã tiến hành 38 cuộc thanh tra hành chính và 42 cuộc thanh tra, kiểm tra

chuyên ngành đối với các cá nhân, đơn vị. Qua thanh tra hành chính đã phát hiện sai phạm về kinh tế với số tiền là 5.830.972.617 đồng. Trong đó đã kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 2.146.078.519 đồng, loại ra khỏi giá trị quyết toán công trình 1.080.412.190 đồng, kiến nghị xác định tăng thu nhập chịu thuế 2.604.481.908 đồng. Qua thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đã ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền 171.150.000 đồng và loại khỏi giá trị quyết toán công trình 774.000.000 đồng. Qua thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng.

4. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về PCTN đến năm 2020:

Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12/5/2009 của Chính phủ ban hành chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 (giai đoạn 2009-2011) và Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 26/8/2009 UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đã nhận thức rõ về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chiến lược quốc gia PCTN nên đã chủ động thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các bộ phận chức năng làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến những quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng tới cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong toàn tỉnh.

5. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về PCTN:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị luôn quan tâm đến vấn đề phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức đoàn thể trong việc phòng ngừa tham nhũng. Cơ quan báo chí, ngôn luận trong tỉnh thường xuyên tuyên truyền các quy định của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về PCTN, nêu gương các điển hình trong công tác PCTN.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PCTN VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH:

Trong quý I năm 2013 công tác PCTN luôn được Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, Thường trực Ban Chỉ đạo, thành viên Ban Chỉ đạo PCTN tỉnh, lãnh đạo các sở ngành, đơn vị và các huyện, thành phố quan tâm, tập trung cao với nhiều giải pháp đồng bộ, toàn diện, đạt kết quả tích cực trên cả hai phương diện phòng, chống tham nhũng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TÁC PCTN QUÝ II NĂM 2013:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng đến cán bộ công chức và nhân dân trong tỉnh về thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 Khóa X, Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Chiến lược quốc gia và Công ước Quốc tế về PCTN, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gắn với việc thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

- Chỉ đạo, đôn đốc các cấp, các ngành tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy định theo pháp luật hiện hành nhằm công khai, minh bạch, phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nghiêm quy chế văn hoá công sở, quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

- Chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành có liên quan đến triển khai thực hiện Quyết định số 137/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung PCTN vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng. Phối hợp với Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về PCTN, Thanh tra Chính phủ tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về công tác PCTN cho cán bộ chủ chốt các sở, ngành, huyện, thành phố.

- Thường trực Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo về PCTN tỉnh đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác PCTN tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tập trung phối hợp chỉ đạo đôn đốc việc thực hiện cải cách hành chính; công khai minh bạch trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra phòng ngừa tham nhũng; xử lý các tin báo, tố giác tội phạm và giải quyết các vụ việc liên quan đến tham nhũng.

- Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết các vụ việc có liên quan đến tham nhũng theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo các cơ quan thanh tra trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác thanh tra PCTN theo quy định của Luật PCTN và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

- Các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị tăng cường phối hợp trong công tác PCTN; phát huy vai trò, trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức đoàn thể trong công tác PCTN; tham gia tích cực, có hiệu quả trong hợp tác quốc tế về PCTN.

Chau

Nơi nhận:

- Cục IV - Thanh tra Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CVNC^{NH}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Minh Ngọc

Biểu mẫu thống kê số liệu về công tác phòng chống tham nhũng quý I năm 2013
(Kèm theo Báo cáo số.../A.../BC-UBND ngày.../.../2013 của Ủy ban Kiểm tra và UBND tỉnh Hưng Yên)



MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
01	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	6
02	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	3
	TUYÊN TRUYỀN, PHÓ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
03	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN (tuyên truyền pháp luật liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng)	Lượt người	1.106
04	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	11
05	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
06	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	4
07	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
08	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	1
09	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	6
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Cuộc	0
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	0
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	0
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0

ông giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
ố người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức		
ố cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, DV	5
ố cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	1
ố cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	12
Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
ố người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
ố người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	0
Ách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi đề xảy ra tham nhũng		
ố người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
ố người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
ố người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
i cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán		
ố cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, DV	53
ố cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	
ÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG		
a việc tự kiểm tra nội bộ		
vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	0
ố tội tương có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	0
1 hoạt động thanh tra		
vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	0
ố tội tương có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	0
1 công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
ố đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	0
ố đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	0
ố đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Vụ	0
ố vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
ố tội tương có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0

	Qua điều tra tội phạm		
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG		
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Người	0
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	0
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	0
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	0
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.	Người	0
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.		
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
50	+ Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
52	+ Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
54	+ Đất đai	m ²	0